

TƯ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH PHẬT GIÁO VÀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN HUYỆN NGA SƠN (THANH HOÁ) ĐẦU THẾ KỶ XIX

VŨ HỒNG QUÂN

Phật giáo và tín ngưỡng dân gian có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống văn hoá - tinh thần ở các làng Việt xưa. Đến nay đã có nhiều công trình đề cập tới vấn đề này. Tuy nhiên, một nghiên cứu có tính "định lượng" về mức độ phổ biến của Phật giáo và các tín ngưỡng dân gian thì hầu như chưa có. Bài viết này, thông qua một khối lượng tư liệu khá phong phú, chúng tôi muốn *phác họa bức tranh toàn cảnh - về mặt lượng* - tình hình Phật giáo và các tín ngưỡng dân gian của một huyện - huyện Nga Sơn (Thanh Hoá) vào đầu thế kỷ XIX.

Huyện Nga Sơn vào đầu thế kỷ XIX thuộc phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá. Theo sách *Các trấn tổng xã danh bị lãm* huyện này bao gồm

6 tổng với 100 đơn vị xã, thôn, trang, sỏ, ấp, trại, (1). Số xã thôn mà chúng tôi khảo sát là 67 đơn vị phân bố cụ thể như sau: (bảng 1).

Điều cần lưu ý là ở đây không có bất kỳ một sự lựa chọn chủ quan nào đối với các đơn vị được khảo sát, có ý nghĩa rằng nó là một tập hợp hoàn toàn có tính ngẫu nhiên. Tuy vậy phân bố của 67 đơn vị được khảo sát rải ra trên địa bàn toàn huyện, tổng thấp nhất: 42,58% (Đông An) và tổng cao nhất: 84,21% (Phi Lai). Như thế về mặt thống kê định lượng ta có đủ dữ liệu để khái quát về vấn đề mà chúng ta đang quan tâm.

1. Dựa vào nguồn tài liệu địa bạ được lập năm 1834 trong đó có những ghi chép khá chi tiết về các chùa chiền, đền miếu từ đó chúng tôi lập bảng thống kê dưới đây (bảng 2)(2).

Bảng 1: Tình hình tư liệu

TT	Tổng	Số đơn vị xã thôn	Số đơn vị được khảo sát	Tỷ lệ đơn vị được khảo sát
1	Phi Lai	19	16	84,21
2	Thạch Tuyên	19	14	73,68
3	Mậu Lâm	22	13	59,09
4	Đông An	14	6	42,85
5	Đô Bái	10	6	60,00
6	Cao Vịnh	16	12	70,58
		100	67	

Trong 67 đơn vị được khảo sát có 45 đơn vị (chiếm 67,16%) là các thôn, trang thuộc 18 xã, chỉ có 22 đơn vị (chiếm 32,84%) là các xã độc lập⁽³⁾. Số đơn vị xã thôn có chùa, đền miếu là 55 (chiếm 82%), chỉ có 12 đơn vị hoàn toàn không có cả chùa chiền cũng như đền miếu (chiếm 18%). Tuy nhiên trong số này chỉ có 2 đơn vị là các xã độc lập còn lại 10 đơn vị là các thôn, trang thuộc xã. Xã, thôn, trang là các đơn vị hành chính của nhà nước ở cấp cơ sở, xã có thể có từ một đến nhiều thôn, trang. Về mặt thiết chế cộng đồng xã cơ bản trùng với làng. Phật giáo và các tín ngưỡng dân gian là một sinh hoạt tôn giáo và tín ngưỡng mang tính cộng đồng. Một xã có nhiều thôn, một ngôi chùa có thể của chung của toàn xã nhưng khi lập địa bạ thì chỉ có một thôn đứng lên sở hữu. Với ý nghĩa như vậy ở đây trên thực tế chỉ có hai làng là không có chùa, đền miếu.

Số xã thôn có chùa là 46 (chiếm 68,65%) nhưng trong số 21 xã thôn không có chùa chỉ có 5 đơn vị là các xã độc lập còn lại là các thôn trang thuộc xã. Tổng số chùa toàn huyện là 58 ngôi trong đó số xã thôn có một chùa là 36, có hai chùa là 9. Trường hợp đặc biệt xã Hoa Lâm, tổng Phi Lai có tới 4 ngôi chùa.

Số xã thôn có đền miếu là 54 (chiếm 80,59%) nhưng, cũng giống như trên, trong số 13 xã thôn không có đền miếu chỉ có 2 đơn vị ở các xã độc lập còn lại gồm các thôn, trang thuộc xã. Tổng số đền miếu có 88 ngôi trong đó số xã thôn có một đền hoặc miếu là 31, có hai đền hoặc miếu là 16, có ba đền hoặc miếu là 4. Trường hợp đặc biệt xã Hoa Lâm, tổng Phi Lai, xã Gia Thụy, tổng Đông An có 4 ngôi đền miếu và thôn Cốc Dương, xã Như Lỵ, tổng Phi Lai có tới 5 ngôi đền, miếu.

Bảng 2: Tình hình Phật giáo và các tín ngưỡng dân gian ở huyện Nga Sơn đầu thế kỷ XIX⁽⁴⁾

TT	Tên làng xã	Tình hình Phật giáo(4)			Các tín ngưỡng dân gian(5)		Ghi chú (6)
			Số chùa	Diện tích	Số đền miếu	Diện tích	
1	Vân Hoàn	Thạch Tuyên	2	1.5.0.0.0	3	2.2.14.6.0	Thạch Tuyên
2	Trung Mại	"	1	0.6.8.6.3	1	0.1.0.0.0	"
3	Thanh Lăng	"	1	-	2	0.2.0.0.0	"
4	Bảo Đạc	"	1	03.10.40	2	0.7.0.0.0	"
5	Hanh Cù	"	1	-	1	0.5.0.0.0	"
6	An Lạc	"	1	0.5.0.0.0	1	1.0.12.0.0	Sơn Đầu
7	Cối Kê	"	1	-	1	0.5.12.0.0	"
8	Đông Đội	"	1	1.03.0.0	2	1.0.0.0.0	"
9	Bảo Biền	"	1	0.8.3.5.0	1	0.3.0.0.0	"
10	Mình Cảnh	"	2	4.2.4.6.0	3	1.7.9.0.0	Xã
11	Mình Cảnh	"	2	-	-	-	Sở
12	Nhân Lý	"	2	4.1.0.6.0	2	2.3.7.90	
13	Bạch Cầu	"	2	1.0.0.0.0	2	1.8.7.5.0	
14	Phương Đề	"	2	-	1	0.9.0.0.0	
15	Tây Mỗ	Phi Lai	2	0.5.0.0.0	1	0.7.0.0.0	

16	Cốc Dương	"	1	0.0.7.5.0	5	0.5.0.0.0	Như Luyện
17	Phủ Nhan	"	1	0.0.7.5.0	2	0.4.0.0.0	"
18	Hoàng Cò	"	1	-	1	0.1.1.6.0	Phi Lai
19	Mậu An	"	1	-	2	0.2.0.0.0	"
20	Kinh	"	1	-	1	-	Đồng Triều
21	Đa Quả	"	1	-	-	-	"
22	Nhuệ Phú	"	1	-	1	0.1.0.0.0	Minh
23	Thượng	"	1	0.1.0.0.0	1	0.2.0.0.0	Đài
24	Kỳ	"	1	-	2	0.4.0.0.0	"
25	Đắc Thắng	"	1	-	1	0.2.0.0.0	Cao Lũng
26	Cao Lũng	"	1	0.9.0.0.0	2	0.4.5.8.0	"
27	Xuân Án	"	1	-	1	4.7.14.9.0	An Khoái
28	An Mậu	"	1	0.2.0.0.0	2	0.3.0.0.0	"
29	Hoa Lâm	"	1	0.8.0.0.0	4	1.2.0.0.0	"
30	Chuyết Cầu	"	1	0.2.1.6.0	1	0.7.1.6.0	"
31	Bình Ba	"	1	6.3.5.8.0	1	0.1.0.0.0	"
32	An Khoái	"	1	1.5.0.0.0	1	1.5.0.0.0	"
33	Mỹ Hưng	"	2	-	2	-	"
34	Xo Hoan	"	1	0.5.0.0.0	1	0.3.6.6.0	Mậu Lâm
35	Mậu Lâm	"	1	-	1	0.3.0.0.0	Chiêm Ba
36	Tam Linh	"	2	0.2.0.0.0	2	0.2.0.0.0	Thổ Khố
37	Chiêm Ba	"	-	-	-	-	"
38	Phượng	"	-	-	-	-	"
39	Giáp	"	1	0.1.1.0.0	1	0.1.5.0.0	"
40	Nga	"	-	-	-	-	"
41	Cự	"	1	0.5.0.0.0	3	1.5.0.0.0	An Nội
42	Xa Liên	"	1	1.0.0.0.0	1	0.7.0.0.0	"
43	Văn Lâm	"	1	0.0.9.3.0	1	0.8.6.6.0	"
44	Trung Điền	Cao Vịnh	-	-	-	-	Cao Vịnh
45	Ngũ Kiên	"	1	0.8.0.0.0	1	3.0.0.0.0	"
46	Hoa Ngạch	"	-	-	-	-	"
47	Thượng Thị	"	-	-	-	-	Thần Phù
48	Thổ Hoàng	"	-	-	-	-	"
49	Hoàng Cương	"	-	-	-	-	"
50	Tự Nội	"	1	-	2	10.0.0.0.0	An Thái
51	Phù Sa	"	-	-	-	-	"
52	Hoa Thốt	"	1	1.0.7.2.0	1	0.8.0.0.0	"
52	Bình Sa	"	-	-	-	-	"
54	Ngọc Lâm	"	1	2.1.0.0.0	2	2.3.0.0.0	Đô Bái
55	Mai Xá	"	1	0.9.9.0.0	-	-	"
56	An Ninh	Đô Bái	1	0.8.7.5.0	2	1.0.2.0.0	"
57	An Thái	"	-	-	1	0.5.0.0.0	"
58	An Lộc	"	1	0.9.0.0.0	2	0.6.9.0.0	"
59	Hương Lô	"	1	-	1	-	"
60	Bai Nãi	"	1	0.5.0.0.0	1	1.0.0.0.0	"
61	Cù Hải	"	1	0.3.0.0.0	1	0.3.0.0.0	"
62	An	Đồng An	1	0.8.4.4.0	1	0.5.2.5.0	Đồng An
63	Nam	"	1	0.1.6.0.0	1	0.2.2.0.0	"
64	Thạch Khuật	"	-	-	1	0.5.4.7.0	"
65	Độ	"	1	0.2.3.2.0	1	0.7.1.7.7.0	Trị Cự
66	Gia Thụy	"	2	0.7.8.0.0	4	0.5.5.0.0	"
67	Nga Châu	"	2	2.5.0.0.0	3	4.4.0.0.0	"
			58	40.3340	88	53.612.0.0	

Số xã thôn có cả chùa và đền miếu là 45 (chiếm 67,16%). Một số xã thôn có từ 5 chùa, đền, miếu trở lên (Gia Thụy, Nga Châu thuộc tổng Đông An, Vân Hoàn, Minh Cảnh thuộc tổng Thạch Tuyền, Hoa Lâm thuộc tổng Phi Lai).

Quy mô diện tích trung bình của một ngôi chùa là 0,790 mẫu (khoảng 2844m²). Phần lớn chùa có quy mô nhỏ⁽⁵⁾ (39 chùa - chiếm 76,47% - có quy mô dưới 1 mẫu, trong đó 3 chùa có quy mô dưới 0,1 mẫu, 16 chùa có quy mô từ 0,1 - 0,3 mẫu, 4 chùa có quy mô từ 0,3 - 0,5 mẫu và 16 chùa có quy mô 0,5 - 0,1 mẫu). Số chùa có quy mô từ 1 mẫu trở lên là 12 (chiếm 23,53%) trong đó 6 chùa có quy mô 1- 2 mẫu, 5 chùa có quy mô 2- 3 mẫu. Trường hợp đặc biệt chùa thôn Bình Ba thuộc xã An Khoái, tổng Mậu Lâm với tổng diện tích lên đến 6 mẫu 3 sào 5 thước 8 tấc. Tuy nhiên, ở đây còn có 7 ngôi chùa được xây dựng trên núi mà tài liệu không cho biết cụ thể diện tích là bao nhiêu.

Quy mô diện tích trung bình của một ngôi đền, miếu là 0,656 mẫu (khoảng 2362m²). So với quy mô trung bình một ngôi chùa quy mô đền miếu nhỏ hơn (chỉ bằng 83%). Số đền miếu có quy mô dưới 1 mẫu là 67 (chiếm 81,7%), cao hơn so với tỷ lệ chùa cùng loại này, trong đó 29 trường hợp có quy mô từ 0,1- 0,3 mẫu, 12 trường hợp có quy mô 0,3 - 0,5 mẫu và 26 trường hợp có quy mô 0,5 - 1,0 mẫu. Số đền miếu có quy mô trên 1,0 mẫu là 15 (chỉ chiếm 18,3%) trong đó 10 trường hợp có quy mô từ 1 - 2 mẫu, 3 trường hợp có quy mô 3 -5 mẫu và 2 trường hợp trên 5 mẫu.

2. Một vấn đề khác cần quan tâm ở đây là cơ sở kinh tế của các đền chùa miếu mạo (ruộng chùa và ruộng thần từ). Tuy nhiên không phải chùa nào, đền miếu nào cũng có ruộng. Trong tổng số 146 chùa, đền miếu chỉ có 70 trường hợp (chiếm 48%) là có ruộng. Kết quả thống kê cụ thể ở bảng 3.

Bảng 3. Tình hình ruộng đất của các chùa, đền, miếu

TT	Xã thôn	Số chùa	Diện tích ruộng	Số đền miếu	Diện tích ruộng đền miếu
1	Vân Hoàn	2	8.0.12.8.0	3	-
2	Trung Nại	1	3.0.0.0.0	1	-
3	Bảo Đại	1	6.0.0.0.0	2	10.0.0.0.0
4	An Lạc	1	-	1	0.3.10.6.0
5	Minh Cảnh	2	8.9.10.3.0	3	-
6	Nhân Lý	2	9.5.1.0.0	2	-
7	Tây Mỗ	2	2.6.2.6.0	1	-
8	Cốc Dương	1	6.7.14.0.0	5	-
9	Phú Nham	1	10.8.10.0.0	2	-
10	Hoàng Cò	1	3.0.0.0.0	1	1.3.0.0.0
11	Mậu An			2	6.8.13.1.0
12	Kính	1	4.0.2.5.0	1	2.4.2.5.0
13	Nhuệ Phú			1	25.3.9.0.0
14	Thượng	1	11.3.8.1.0	1	12.6.0.0.0
15	Kỳ	1	12.8.13.8.0	2	9.6.1.2.0
16	Cao Lũng	1	30.0.12.0.0	2	-
17	An Mạo	1	-	2	9.4.7.5.0
18	Hoa Lâm	4	3.4.9.5.0	4	8.5.0.0.0
19	Bình Sa	1	1.0.0.0.0	1	-

20	Bái Nãi	1	1.0.6.0.0	1	1.8.0.0.0
21	Cù Hải	1	26.7.7.7.0	1	-
22	Mỹ Hưng	2	13.1.0.0.0	2	13.3.0.0.0
23	Xa Loan	1	4.3.0.0.0	1	-
24	Mậu Lâm	1	1.2.0.0.0	1	-
25	Tam Linh	1	4.0.0.0.0	2	-
26	Giáp	1	7.5.8.0.0	1	-
27	Trị Nội	1	11.3.7.5.0	2	-
28	Vân Lâm	1	2.5.0.0.0	1	-
29	An Ninh	1	4.2.9.0.0	2	12.0.0.0.0
30	An Lộc	1	2.5.0.0.0	2	-
31	An	1	8.0.0.0.0	1	-
32	Gia Thụy	2	4.8.0.0.0	4	4.9.14.0.0
33	Xa Liễu	1	3.0.0.0.0	1	-
34	Cự	1	5.0.0.0.0	3	-
35	Ngọc Lâm	1	1.2.0.0.0	2	3.4.0.0.0
36	Hương Lô	1	-	1	18.0.0.0.0
		41	222.1.14.8.0	29	139.9.12.9.0

Trong các trường hợp có ruộng đất thống kê ở bảng 3, số chùa có ruộng đất là 41 (chiếm 58, 6%), số đền miếu có ruộng đất là 29 (chiếm 41,4%). Tỷ lệ chùa có ruộng đất cao hơn nhiều so với đền miếu (chùa: 41/58 chiếm 70,68%, đền miếu: 29/88 chỉ chiếm 32,95%).

Tổng diện tích ruộng chùa là 222.1.14.8.0, trung bình một chùa có 5,42 mẫu. Tổng diện tích ruộng đền là 139.9.12.9.0 trung bình một đền miếu có 4,82 mẫu. Một số trường hợp có số ruộng chùa và ruộng đền từ khá lớn như chùa Cao Lũng có 30.0.12.0.0, chùa Cù Hải có 26.7.7.7.0, đền làng Nhuệ Phú có 25.3.9.0.0, đền làng Hương Lô có 18.0.0.0.0.

Hầu hết ruộng đất trên - xét về loại hình sở hữu được coi là ruộng tư. Trong địa bạ loại tam bảo và thần tứ, Phật tự điều này được xếp chung vào hạng tự đền. Đây chắc chắn là do cá nhân hiến cho chùa, đền, miếu thông qua hình thức cúng hậu. Chỉ có 3 trường hợp là ruộng chùa hai làng Cốc Dương và Hoàng Cô và ruộng đền từ làng Hương Lô là có nguồn gốc công điền.

Trên đây là một số tư liệu phản ánh một mặt tình hình Phật giáo và tín ngưỡng dân gian ở Nga Sơn vào thời điểm 1834. Xin nêu hai nhận xét nhỏ:

1. Chỉ với 67/100 đơn vị xã thôn được khảo sát đã có tới 58 ngôi chùa và 88 ngôi đền miếu các loại chứng tỏ tính phổ biến của Phật giáo và tín ngưỡng dân gian trong đời sống văn hoá tinh thần ở các làng xã người Việt. Nhận định này không mới nhưng có lẽ đây là lần đầu nó được chứng minh bằng các số liệu cụ thể.

2. Phần lớn chùa chiền đền miếu có quy mô nhỏ. Giữa chùa chiền và đền miếu quy mô diện tích chùa chiền lớn hơn. Hiện tượng cúng ruộng cho chùa, đền, miếu tương đối phổ biến trong đó cúng cho chùa nhiều hơn (trong các xã thôn có cả chùa và đền miếu, trừ những trường hợp có ruộng chùa đồng thời cũng có ruộng đền miếu, chỉ có hai trường hợp có ruộng đền miếu mà không có ruộng tam bảo nhưng có tới 20 trường hợp có ruộng tam bảo mà không có ruộng thần tứ). Điều này chứng tỏ ảnh hưởng của Phật giáo sâu đậm trong dân gian, nhất là vào thời điểm (xem tiếp trang 43)